

Bản án số: 25/2019/HSST
Ngày 02/7/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Quàng Văn Xô**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Khoàng Văn Hặc

2. Ông: Nguyễn Văn Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà **Chu Thị Chức** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm Sát Viên.

Trong các ngày 27/6/2019 và ngày 02/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2019/TLST-HS ngày 16/5/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vàng A S; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1991, tại huyện M, tỉnh Đ; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện: Bản P, xã S, huyện M, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nương; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 1/12 phổ thông; Con ông: Vàng A T - (đã chết), con bà: Sùng Thị T – sinh năm 1965; Vợ: Giàng Thị S – Sinh năm: 1992; Con: Bị cáo có 04 con, con lớn nhất 11 tuổi, con nhỏ nhất 01 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Trước ngày 05/01/2019 khi chưa bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thì bị cáo chưa có vi phạm gì. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2019, sau đó tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Đ cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Sùng A D; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1989, tại huyện Đ, tỉnh Đ; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nương; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12 phổ thông; Con ông: Sùng A N – sinh năm 1968, con bà: Lý Thị V – sinh năm 1970; Vợ: Mùa Thị D – Sinh năm: 1978; Con: Bị cáo có 03 con, con lớn nhất 11 tuổi, con nhỏ nhất 08 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Trước ngày 05/01/2019 khi chưa bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thì bị cáo chưa có vi phạm gì. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày

05/01/2019, sau đó tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Đ cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Vàng A G; **Tên gọi khác:** Không; **Sinh năm** 1983, tại huyện M, tỉnh Đ; **Nơi ĐKKHKT** và **chỗ ở hiện:** Bản P, xã S, huyện M, tỉnh Đ; **Nghề nghiệp:** Làm nương; **Dân tộc:** Mông; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Tôn giáo:** Không; **Trình độ học vấn:** 1/12 phổ thông; **Con ông:** Vàng Nhì C – sinh năm 1959, con bà: Giàng Thị M – sinh năm 1964; **Vợ :** Hồ Thị T – Sinh năm: 1993(đã ly hôn); **Con:** Bị cáo có 02 con, con lớn nhất 17 tuổi, con nhỏ nhất 15 tuổi; **Tiền án, tiền sự:** Không; **Nhân thân:** Trước ngày 05/01/2019 khi chưa bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thì bị cáo chưa có vi phạm gì. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2019, sau đó tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Đ cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Mùa A S; **Tên gọi khác:** Không; **Sinh năm** 1979, tại huyện M, tỉnh Đ; **Nơi ĐKKHKT** và **chỗ ở hiện:** Bản P, xã H, huyện M, tỉnh Đ; **Nghề nghiệp:** Làm nương; **Dân tộc:** Mông; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Tôn giáo:** Không; **Trình độ học vấn:** Không; **Con ông:** Mùa Chủng S – sinh năm 1949, con bà: Kháng Thị C – sinh năm 1949; **Vợ :** Giàng Thị G – Sinh năm: 1982; **Con:** Bị cáo có 07 con, con lớn nhất 16 tuổi, con nhỏ nhất 07 tuổi; **Tiền án, tiền sự:** Không; **Nhân thân:** Trước ngày 05/01/2019 khi chưa bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thì bị cáo chưa có vi phạm gì. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2019, sau đó tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Đ cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Luật sư **Phùng Việt H-** Văn phòng luật sư Phùng Việt H, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ, được Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ cử bào chữa cho bị cáo Mùa A S và bị cáo Sùng A D (có mặt tại phiên tòa).

Luật sư **Bùi Bình M** - thuộc đoàn luật sư tỉnh Điện Biên, được Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ cử bào chữa cho bị cáo Vàng A S và bị cáo Vàng A G (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Giàng Thị S - sinh năm 1992; Địa chỉ: Bản P, xã S, huyện M, tỉnh Đ (có mặt tại phiên tòa).

- Bà Giàng Thị G - sinh năm 1982; Địa chỉ: Bản P, xã H, huyện M, tỉnh Đ (có mặt tại phiên tòa).

- Chị Mùa Thị G vợ của bị cáo D . Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Đ (Có mặt tại phiên Tòa).

Những người tham gia bắt và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang:

- Ông: Hoàng Văn N - Cán bộ đồn Biên phòng M, huyện M, tỉnh Đ (Có mặt tại phiên Tòa).

- Ông: Lê Hồng Q - Cán bộ đồn Biên phòng M, huyện M, tỉnh Đ (Có mặt tại phiên Tòa).

- Ông: Vi Văn D - Cán bộ đồn Biên phòng M, huyện M, tỉnh Đ (Vắng mặt tại phiên Tòa).

Người chứng kiến: Anh Giàng A S – Sinh năm: 1988. Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Đ (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 05/01/2019, Mùa A S và Vàng A S đến nhà Vàng A G chơi và nói chuyện rủ nhau đi tìm mua ma túy về sử dụng. Vì không biết chỗ mua nên S đã gọi điện thoại cho Sùng A D trú tại bản H, xã N, huyện M nhờ D đi mua ma túy giúp, D đồng ý. Sau đó S cùng G, S điều khiển xe máy đến nhà D và được D dẫn đường đi mua ma túy, khi đi đến một khe suối thuộc bản H, xã N thì dừng lại và để xe máy tại đây, sau đó 4 người cùng đi bộ lên một lán nương thuộc bản H, xã N giáp biên giới Việt – Lào gặp một người đàn ông tên H. Tại đây D nói chuyện với H, hỏi H có ma túy thì bán cho S, S, G, H đồng ý và lấy ra một ít heroine cho D, S, S, G dùng thử. Sau khi dùng xong ma túy, qua trao đổi, S mua 4.200.000 đồng được 02 gói heroine; S mua 2.800.000 đồng được 01 gói heroine, G mua 1.400.000 đồng được 01 gói heroine, còn D không mua nhưng D thấy có 01 gói heroine để ở bàn D nghĩ S, S, G cần thiếu nên D cầm về theo người. Sau khi mua được ma túy S, G, S, D đi bộ xuống chỗ để xe máy, trên đường đi khi biết mọi người đã cầm đủ số ma túy mà mình đã mua thì D nói với mọi người là H đã cân thừa một gói heroine nên D cầm theo. Bốn người tiếp tục đi chuyển xuống chỗ dựng xe máy, khi gần đến nơi thì cả S, S, G dồn ma túy đưa cho D cầm. Khi về đến chỗ dựng xe máy thì D lại đưa toàn bộ 05 gói heroine của cả 4 người đưa cho S cầm. S điều khiển xe máy BKS 27B1- 552.67 chở G đi trước còn D điều khiển xe máy BKS 27B1 – 725.69 chở S đi sau. Đến 17 giờ 50 phút ngày 05/01/2019, khi đi đến bản H, xã N, huyện M thì bị tổ công tác ra tín hiệu dừng xe, S đã ném gói ma túy đang cầm trong tay xuống đất. Tổ công tác yêu cầu S nhặt lên kiểm tra, cả G, S, S, D đều thừa nhận số ma túy của từng người, trong đó S có 02 gói heroine có khối lượng 10,417 gam; S có 01 gói heroine có khối lượng 4,64 gam, G có 01 gói heroine có khối lượng 3,824 gam, D có 01 gói heroine có khối lượng 1,466 gam. Tổ công tác đã mời người chứng kiến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ và niêm phong vật chứng theo quy định.

Mục đích S, S, G mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Họ đều biết việc từng người mua ma túy với người đàn ông tên H, biết số tiền mua bao nhiêu nhưng không biết mua được bao nhiêu gói. Họ không góp tiền để mua ma túy mà tiền của ai người đó mua, ma túy của ai người đó sử dụng. S, S, G đều biết D có 01 gói heroine. Trên đường về có thời điểm D cầm toàn bộ số heroine của cả 4 người, sau đó D đưa lại cho S cầm và D là người điều khiển xe máy còn S ngồi sau, D biết rõ việc S có heroine trên người và D là người giúp sức, dẫn đường để S, S, G mua ma túy, ngoài ra S là người cầm toàn bộ số heroine mà S, G, D đưa. Nên ngoài việc D, S phải chịu trách nhiệm về khối lượng heroine trực

tiếp mà mình tàng trữ thì D, S còn phải chịu cả phần khối lượng heroine của những người khác. Như vậy, tổng khối lượng heroine của Sùng A D, Vàng A S tàng trữ là 20,347 gam.

BL số 01-02 biên bản bắt người phạm tội quả tang; BL số 82 biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; BL số 84-85 biên bản mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng; BL số 89 kết luận giám định; BL số 90-93 biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; BL số 136 – 159, 173 – 192, 206 – 227, 241- 260 biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung các bị can; BL số 263- 264 biên bản kiểm tra điện thoại.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 20,347 gam Heroine; 01 xe máy BKS 27B1-725.69, 01 điện thoại di động kèm thẻ sim, 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 CMTND và 01 giấy phép lái xe mang tên Vàng A S, 01 CMTND mang tên Giàng Thị S, 01 đăng ký xe máy mang tên Cử A L, 04 bảo hiểm xe máy đã hết hạn sử dụng; số tiền 325.000 đồng thu của Vàng A S; 01 điện thoại di động cùng thẻ sim thu của Sùng A D; 01 ví giả da màu đen bên trong 01 chứng M thư nhân dân, 02 giấy phép lái xe, số tiền 155.000 đồng, 01 điện thoại di động có kèm sim thu của Vàng A G; 01 xe máy BKS 27B1- 552.67, 01 túi vải màu đen, 01 giấy phép lái xe và số tiền 310.000 đồng thu giữ của Mùa A S; 01 đăng ký xe máy mang tên Giàng Thị Xế.

Trong quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện M đã trả lại cho bà Giàng Thị S (vợ của Vàng A S): 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 CMTND và 01 giấy phép lái xe mang tên Vàng A S, 01 CMTND mang tên Giàng Thị S, 01 đăng ký xe máy mang tên Cử A L, 04 bảo hiểm xe máy đã hết hạn sử dụng; số tiền 325.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng vào 16 giờ 40 phút ngày 06/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, xác định vật thu giữ khi bắt quả tang của các đối tượng như sau: Vật chứng thu giữ của Vàng A S, gói thứ nhất chất bột nén màu trắng đục nghi là heroine xác định khối lượng là 8,102 gam, trích lấy mẫu gửi giám định 0,068 gam và gói thứ hai là 2,315 gam, trích lấy mẫu gửi giám định 0,057 gam. Vật chứng thu giữ của Mùa A S chất bột nén màu trắng đục nghi là heroine xác định khối lượng là 4,64 gam, trích lấy mẫu gửi giám định 0,076 gam . Vật chứng thu giữ của Vàng A G chất bột nén màu trắng đục nghi là heroine xác định khối lượng là 3,824 gam, trích lấy mẫu gửi giám định 0,058gam. Vật chứng thu giữ của Sùng A D chất bột nén màu trắng đục nghi là heroine xác định khối lượng là 1,466 gam, trích lấy mẫu gửi giám định 0,073gam.

Tại bản kết luận giám định số: 197/GĐ-PC09 ngày 15/01/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: " mẫu chất bột nén màu trắng thu giữ của Vừ A S, Sùng A D, Vàng A G, Mùa A S gửi đến giám định là ma túy loại Heroine; Khối lượng vật chứng thu giữ của Vàng A S là 10,417 gam; Khối lượng vật chứng thu giữ của Mùa A S là 4,64 gam; Khối lượng vật chứng thu giữ của Vàng A G là 3,824 gam; Khối lượng vật chứng thu giữ của Sùng A D là

1,466 gam; Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, Mục IA, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018”.

Tại cáo trạng số 21/CT-VKS-MC ngày 15/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đ truy tố Vàng A S và Sùng A D ra trước Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ để xét xử về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249/BLHS; truy tố Vàng A G và Mùa A S ra trước Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ để xét xử về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tính chất, hành vi, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, theo quy định của pháp luật hiện hành, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Vàng A S, Sùng A D, Vàng A G, Mùa A S phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 BLHS; Xử phạt bị cáo Vàng A S từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; Bị cáo Sùng A D từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 BLHS; Xử phạt bị cáo Vàng A G từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; Bị cáo Mùa A S từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106/BLTTHS;

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 Phong bì công văn của Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã được dán kín mép lại, mặt trước ghi : Vật chứng vụ Vàng A S và đồng bọn tàng trữ trái phép chất ma túy, vật chứng còn lại sau khi trích mẫu giám định, là chất bột nén màu trắng đục, có khối lượng : VC1 : 8,034g ; VC2 : 2,258g ; VC3 : 4,654g ; VC4 : 3,766g ; VC5 : 1,393g và 06 mảnh nilon màu xanh, 01 mảnh nilon màu trắng; 01 phong bì niêm phong ban đầu và 04 mảnh giấy dùng để ghi vật chứng của từng đối tượng.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy Honda Blade màu đen, cam, BKS: 27B1 – 725.69 đã qua sử dụng, không kiểm đếm tính năng bên trong, số khung 3625EY150917, số máy: JA36E0278362 cho chị Giàng Thị S.

+ Tiếp tục tạm giữ: 01 Đăng ký xe máy số 063945 mang tên Giàng Thị Xế để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy Vin Detech màu đen, BKS: 27B1 – 552.67 đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng

bên trong, số khung: H8PEFA182327, số máy: 52FMHB182327 cho chị Giàng Thị G.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 Điện thoại di động hiệu THT màu đen đã qua sử dụng có kèm sim, không kiểm tra tính năng bên trong; 01 Chiếc điện thoại hiệu Vell – come màu đen hồng kèm sim và thẻ nhớ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong.

+ Trả lại cho bị cáo Mùa A S: 01 túi vải màu đen bên trong có 01 giấy phép lái xe số 110137004773 mang tên Mùa A S và 310.000 đồng (ba trăm mười nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Vàng A G: 01 ví da màu đen đã qua sử dụng, bên trong có 01 CMND số 04032136 mang tên Vàng A G; 02 Giấy phép lái xe hạng A1 và C số: 110082003342 mang tên Vàng A G và 155.000 đồng (Một trăm năm mươi năm nghìn đồng).

+ Trả lại cho Vàng A S : 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu trắng, đen đã qua sử dụng, có kèm sim, không kiểm tra tính năng bên trong.

Trong hồ sơ còn thể hiện:

Đối với người đàn ông tên H đã bán heroine cho các bị cáo. Do các bị cáo không biết rõ lai lịch của người này nên không có cơ sở để điều tra làm rõ.

- Về án phí: Các bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Luật sư Bùi Bình M trình bày lời bào chữa cho các bị cáo: Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Vàng A G về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 BLHS và truy tố bị cáo Vừ A S về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điểm g Khoản 2 Điều 249 BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai; Luật sư hoàn toàn đồng tình với cáo trạng của VKSND huyện M về tội danh, điều luật áp dụng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Luật sư đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Vàng A S từ 6 năm đến 7 năm tù; bị cáo Vàng A G 1 năm tù; Các bị cáo do hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Các bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Luật sư Phùng Việt H trình bày lời bào chữa cho các bị cáo: Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Mùa A S về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 BLHS và truy tố bị cáo Sùng A D tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điểm g Khoản 2 Điều 249 BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai; Luật sư hoàn toàn đồng tình với cáo trạng của VKSND huyện M về tội danh, điều luật áp dụng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác được coi là tình tiết giảm nhẹ nhưng phải ghi trong bản án. Luật sư đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức

án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm đề nghị. Các bị cáo do hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Các bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo. Đối với bị cáo Sùng A D luật sư đề nghị HĐXX xem xét và áp dụng tình tiết giảm nhẹ tự thú theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51/BLHS.

Sau khi nghe lời luận tội của đại diện viện Kiểm sát, lời bào chữa của luật sư các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng xã hội. Đối với bị cáo Sùng A D đề nghị HĐXX xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ về tự thú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Xét về hành vi của các bị cáo Vàng A S, Sùng A D, Vàng A G, Mùa A S: Hồi 17 giờ 50 phút ngày 05/01/2019, tại khu vực bản H, xã N, huyện M, tỉnh Đ, Vàng A S và Sùng A D có hành vi tàng trữ trái phép 20,347 gam heroine; Mùa A S có hành vi tàng trữ trái phép 4,64 gam heroine, Vàng A G có hành vi tàng trữ trái phép 3,824gam heroine với mục đích để sử dụng cho bản thân của các bị cáo.

Qua tranh tụng và xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo Vàng A S, Sùng A D, Vàng A G, Mùa A S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang vào 18 giờ ngày 05/01/2019, tại bản H, xã N, huyện M, tỉnh Đ, tang vật chứng, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ vào hồi 19 giờ 35 phút ngày 05/01/2019; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng vào hồi 16 giờ 40 phút, ngày 06/01/2019; Bản kết luận giám định số 197/GĐ-PC09 ngày 15/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2]. Xét hành vi tàng trữ trái phép 4,64 gam heroin của Mùa A S, 3,824 gam heroine của Vàng A G là nguy hiểm cho xã hội nghiêm trọng; hành vi tàng trữ trái phép 20,347 gam heroine của Vàng A S và Sùng A D là nguy hiểm cho xã hội rất nghiêm trọng; hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Các bị cáo nhận thức và hiểu rõ hành vi mua, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Với hành vi và khối lượng ma túy nêu trên của bị cáo Mùa A S và Vàng A G đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/ BLHS; Với hành vi và khối lượng ma túy nêu trên của bị cáo

Vàng A S và Sùng A D đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249/ BLHS.

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

....

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam".

Tại điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS quy định:

"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

Vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đ truy tố các bị cáo Mùa A S và Vàng A G về tội: “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; truy tố các bị cáo Vàng A S và Sùng A D về tội: “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Luật sư Bùi Đình M bào chữa cho bị cáo Vàng A S và Vàng A G đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Vàng A S từ 6 năm đến 7 năm tù, bị cáo Vàng A G 1 năm tù là không phù hợp với khối lượng ma túy, tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo nên không có cơ sở để chấp nhận.

Luật sư Phùng Việt H bào chữa cho các bị cáo Sùng A D và Mùa A S đề nghị áp dụng mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát. Lời bào chữa của Luật sư là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với bị cáo Sùng A D đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ tự thú theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51BLHS đối với bị cáo là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo Vàng A S sinh ra và lớn lên học hết lớp 1/12 thì bỏ học ở nhà phụ giúp gia đình lao động sản xuất. Năm 2007 xây dựng gia đình cùng Giàng Thị S sinh sống tại bản P, xã Sa Lông, huyện M, tỉnh Đ.

Bị cáo Sùng A D sinh ra được bố mẹ nuôi cho ăn học hết 9/12 phổ thông sau bỏ học ở nhà cùng bố mẹ tại N, huyện Đ, tỉnh Đ. Năm 1995, cùng bố mẹ

chuyển đến ở tại bản H, xã N, huyện M. Năm 2007 xây dựng gia đình cùng Mùa Thị G và ở tại bản H, xã N, huyện M, tỉnh Đ.

Bị cáo Vàng A G sinh ra và lớn lên học hết lớp 1/12 thì bỏ học ở nhà phụ giúp gia đình lao động sản xuất. Năm 2001 xây dựng gia đình cùng Hồ Thị T và làm ăn tại bản P, xã Sa Long, huyện M, tỉnh Đ.

Bị cáo Mùa A S sinh ra và lớn lên không được đi học ở nhà phụ giúp gia đình lao động sản xuất tại bản P, xã H, huyện M. Năm 2001 xây dựng gia đình cùng chị Giàng Thị G và làm ăn tại bản P, xã H, huyện M, tỉnh Đ. Ngày 05/01/2019, các bị cáo S, D, G và S cùng bị đồn biên phòng Mường Mươn bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và ngày 11/01/2019, Cơ quan CSĐT công an huyện M, tỉnh Đ ra quyết định khởi tố về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Vậy, cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của Vàng A G và Mùa A S là nghiêm trọng; tính chất mức độ hành vi phạm tội của Vàng A S và Sùng A D là rất nghiêm trọng các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là cần thiết, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đây cũng là điều kiện thuận lợi để các bị cáo từ bỏ ma túy. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng mức khởi điểm mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

[6]. Các bị cáo khai nhận số Heroine mà các bị cáo có được là mua của một người đàn ông tên là H nhưng các bị cáo không biết lai lịch chính xác của người này ở đâu do đó không có cơ sở để điều tra xác M làm rõ được. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7]. Xét về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy không việc làm, kinh tế khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS.

[8]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106/BLTTHS :

- Tịch thu tiêu hủy: 01 Phong bì công văn của Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã được dán kín mép lại, mặt trước ghi : Vật chứng vụ Vàng A S và đồng bọn tàng trữ trái phép chất ma túy, vật chứng còn lại sau khi trích mẫu giám định, là chất bột nén màu trắng đục, có khối lượng : VC1 : 8,034g ; VC2 : 2,258g ; VC3 : 4,654g ; VC4 : 3,766g ; VC5 : 1,393g và 06 mảnh nilon màu xanh, 01 mảnh nilon màu trắng ; 01 phong bì niêm phong ban đầu và 04 mảnh giấy dùng để ghi vật chứng của từng đối tượng.

-Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy Honda Blade màu đen, cam, BKS: 27B1 – 725.69 đã qua sử dụng, không kiểm đếm tính năng bên trong. Số khung 3625EY150917, số máy: JA36E0278362 cho chị Giàng Thị S.

- Tiếp tục tạm giữ: 01 Đăng ký xe máy số 063945 mang tên Giàng Thị Xế để đảm bảo thi hành án.

-Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy Vin Detech màu đen, BKS: 27B1 – 552.67 đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong, số khung: H8PEFA182327, số máy: 52FMHB182327 cho chị Giàng Thị G.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 Điện thoại di động hiệu THT màu đen đã qua sử dụng có kèm sim, không kiểm tra tính năng bên trong; 01 Chiếc điện thoại hiệu Vell – come màu đen hồng kèm sim và thẻ nhớ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong.

- Trả lại cho bị cáo Mùa A S : 01 Túi vải màu đen bên trong có 01 giấy phép lái xe số 110137004773 mang tên Mùa A S và 310.000 đồng (ba trăm mười nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Vàng A G: 01 ví da màu đen đã qua sử dụng, bên trong có 01 CMND số 04032136 mang tên Vàng A G; 01 Giấy phép lái xe hạng C số: 110082003342 mang tên Vàng A G và 155.000 đồng (Một trăm năm mươi năm nghìn đồng).

- Trả lại cho Vàng A S : 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu trắng, đen đã qua sử dụng, có kèm sim, không kiểm đếm tính năng bên trong.

[9]. Về án phí: Các bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[10]. Xét về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều Tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, từ lúc khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đảm bảo về hình thức, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Vàng A S, Sùng A D, Vàng A G, Mùa A S phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, khoản 1 Điều 38, điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

- Xử phạt bị cáo Vàng A S 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/01/2019).

- Xử phạt bị cáo Sùng A D 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/01/2019).

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 38, điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

- Xử phạt bị cáo Vàng A G 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/01/2019).

- Xử phạt bị cáo Mùa A S 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/01/2019).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106/BLTTHS;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 Phong bì công văn của Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã được dán kín mép lại, mặt trước ghi : Vật chứng vụ Vàng A S và đồng bọn tàng trữ trái phép chất ma túy, vật chứng còn lại sau khi trích mẫu giám định, là chất bột nén màu trắng đục, có khối lượng : VC1 : 8,034g ; VC2 : 2,258g ; VC3 : 4,654g ; VC4 : 3,766g ; VC5 : 1,393g và 06 mảnh nilon màu xanh, 01 mảnh nilon màu trắng ; 01 phong bì niêm phong ban đầu và 04 mảnh giấy dùng để ghi vật chứng của từng đối tượng.

-Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy Honda Blade màu đen, cam, BKS: 27B1 – 725.69 đã qua sử dụng, không kiểm đếm tính năng bên trong. Số khung 3625EY150917, số máy: JA36E0278362 cho chị Giàng Thị S.

- Tiếp tục tạm giữ: 01 Đăng ký xe máy số 063945 mang tên Giàng Thị Xế để đảm bảo thi hành án.

-Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy Vin Detech màu đen, BKS: 27B1 – 552.67 đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong, số khung: H8PEFA182327, số máy: 52FMHB182327 cho chị Giàng Thị G.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 Điện thoại di động hiệu THT màu đen đã qua sử dụng có kèm sim, không kiểm tra tính năng bên trong (của Vàng A G); 01 Chiếc điện thoại hiệu Vell – come màu đen hồng kèm sim và thẻ nhớ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong (của Vàng A S).

- Trả lại cho bị cáo Mùa A S : 01 Túi vải màu đen bên trong có 01 giấy phép lái xe số 110137004773 mang tên Mùa A S và 310.000 đồng (ba trăm mười nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Vàng A G: 01 ví da màu đen đã qua sử dụng, bên trong có 01 CMND số 04032136 mang tên Vàng A G; 01 Giấy phép lái xe hạng C số: 110082003342 mang tên Vàng A G và 155.000 đồng (Một trăm năm mươi năm nghìn đồng) ; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số: 110082003342 mang tên Vàng A G.

- Trả lại cho Vàng A S : 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu trắng, đen đã qua sử dụng, có kèm sim, không kiểm đếm tính năng bên trong.

(Toàn bộ tang vật chứng và tài sản theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 10 giờ 00 phút, ngày 17/5/2019 giữa Công an huyện M, tỉnh Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đ).

***)** Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

*****Áp dụng Điều 331 và 333/BLTTHS, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/7/2019). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo những gì liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/7/2019).

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Đ;
- Phòng 07 Viện kiểm sát tỉnh Đ;
- Phòng PC10 – CA tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục Thi hành án DS, huyện M;
- Hồ sơ THA;
- UBND xã N; xã S; xã H;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Quàng Văn Xôm